

Số: 190/2019/QĐST-HNGĐ

S, ngày 28 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - * *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
 - + Bà Lê Thị P - sinh năm: 1995, địa chỉ: Số 91 Hoa Lư, tổ 64, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.
 - + Ông Phạm L - sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ 42, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 6 năm 2019, người yêu cầu là bà Lê Thị P và ông Phạm L đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị P và ông Phạm L kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 269/2014, quyển số 02/2014 do UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 16 tháng 12 năm 2014), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lê Thị P và ông Phạm L đều thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: bà Lê Thị P và ông Phạm L xác định có 01 con chung là Phạm Lê Nhã U, sinh ngày 15/3/2015.

Ly hôn, bà Lê Thị P và ông Phạm L thống nhất giao con Phạm Lê Nhã U cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Phạm Lê Nhã U đủ 18 tuổi. Ông Phạm L không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: bà Lê Thị P và ông Phạm L xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: bà Lê Thị P và ông Phạm L xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị P và ông Phạm L mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị P và ông Phạm L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07921 ngày 20/6/2019.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị P và ông Phạm L thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 269/2014, quyển số 02/2014 do UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 16 tháng 12 năm 2014).

* Về con chung: bà Lê Thị P và ông Phạm L xác định có 01 con chung là Phạm Lê Nhã U, sinh ngày 15/3/2015.

Ly hôn, bà Lê Thị P và ông Phạm L thống nhất giao con Phạm Lê Nhã U cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Phạm Lê Nhã U đủ 18 tuổi. Ông Phạm L không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: bà Lê Thị P và ông Phạm L xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: bà Lê Thị P và ông Phạm L xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị P và ông Phạm L mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị P và ông Phạm L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07921 ngày 20/6/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- CC THADSQ. S;
- UBND P. T,
quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Phước Hòa